

Số: /QĐ-CAT-PC08

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 592 thí sinh hạng B, C1, C, D2 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 15/6/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, địa chỉ: xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông Nguyễn Sỹ Hạ, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc | (để báo cáo)
- Cục C08 BCA
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-PC08 ngày /6/2026 của Công an tỉnh)

| TT | CẤP BẬC, HỌ TÊN | NHIỆM VỤ |
|----|----------------------------|---------------|
| 1 | Thượng tá Phạm Văn Lực | Sát hạch viên |
| 2 | Trung tá Bùi Thái Cường | Sát hạch viên |
| 3 | Trung tá Vũ Minh Phương | Sát hạch viên |
| 4 | Trung tá Nguyễn Quốc Phúc | Sát hạch viên |
| 5 | Trung tá Đặng Trọng Quang | Sát hạch viên |
| 6 | Trung tá Phạm Công Thành | Sát hạch viên |
| 7 | Trung tá Bùi Thanh Sơn | Sát hạch viên |
| 8 | Trung tá Lê Văn Hùng | Sát hạch viên |
| 9 | Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú | Sát hạch viên |
| 10 | Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt | Sát hạch viên |
| 11 | Thiếu tá Nguyễn Việt Cường | Sát hạch viên |
| 12 | Đại úy Trần Quốc Hà | Sát hạch viên |
| 13 | Đại úy Nguyễn Văn Phương | Sát hạch viên |
| 14 | Đại úy Nguyễn Quốc Anh | Sát hạch viên |
| 15 | Đại úy Nguyễn Tuấn Anh | Sát hạch viên |
| 16 | Thượng úy Trần Thiện Hoàng | Sát hạch viên |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 3231/QĐ-CAT-PC08 ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|----|---------------------|------------|--------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 1 | PHẠM VĂN Á | 16/07/1982 | *****84 | Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An | x | | 39153 |
| 2 | TRƯƠNG THỊ ÁI | 03/06/1996 | *****34 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38606 |
| 3 | ĐÀO THỊ HOÀI AN | 13/04/2003 | *****18 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | | 42241 |
| 4 | CAO THỊ HÀ AN | 12/08/2003 | *****36 | Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42267 |
| 5 | NGUYỄN VĂN AN | 20/03/2005 | *****12 | Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 35703 |
| 6 | NGUYỄN XUÂN AN | 01/04/2001 | *****32 | Xã Cỏ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39456 |
| 7 | TRẦN THỊ MINH ANH | 01/07/2000 | *****27 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42242 |
| 8 | TRẦN NGUYỄN BẢO ANH | 27/11/2007 | *****23 | Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 42268 |
| 9 | NGUYỄN THỊ TÚ ANH | 25/06/1996 | *****69 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 42307 |
| 10 | TRẦN THỊ VÂN ANH | 18/08/1988 | *****32 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1m | 42308 |
| 11 | TRẦN VĂN NGUYỄN ANH | 21/12/2004 | *****89 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39238 |
| 12 | CHU TUẤN ANH | 15/08/1995 | *****73 | Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39055 |
| 13 | THÁI THỊ NGỌC ANH | 30/11/1982 | *****49 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42000 |
| 14 | NGUYỄN ĐĂNG ANH | 02/09/2001 | *****33 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38227 |
| 15 | LÊ ĐỨC ANH | 15/06/2006 | *****72 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39457 |
| 16 | NGUYỄN QUỐC ANH | 30/12/2003 | *****17 | Xã Cỏ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 37561 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|----|-----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 17 | NGUYỄN MAI ANH | 19/11/2003 | *****14 | Phường Thành Vinh, Nghệ An | x | | |
| 18 | LÊ VĂN ANH | 07/09/1982 | *****08 | Xã Đức Quang, Hà Tĩnh | x | | 281 |
| 19 | NGUYỄN THỊ ÁNH | 01/07/1996 | *****14 | Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39022 |
| 20 | NGUYỄN ĐỨC ÁNH | 06/10/1990 | *****46 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 41135 |
| 21 | BÙI VĂN BẢO | 03/02/1993 | *****50 | Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42243 |
| 22 | NGUYỄN PHẠM QUỐC BẢO | 04/11/2007 | *****32 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38903 |
| 23 | NGUYỄN TUẤN BẢO | 15/10/1997 | *****41 | Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38457 |
| 24 | HỒ VIỆT BẮC | 24/04/2006 | *****07 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 39437 |
| 25 | HOÀNG VĂN BẮC | 15/09/1980 | *****43 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | | 38888 |
| 26 | CAO THỊ NGỌC BÍCH | 16/08/1987 | *****46 | Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An | x | | 42269 |
| 27 | NGUYỄN VĂN BÌNH | 15/01/1992 | *****11 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42245 |
| 28 | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | 23/10/1988 | *****68 | Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An | x | | 42244 |
| 29 | NGUYỄN THANH BÌNH | 30/01/1974 | *****91 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 41584 |
| 30 | PHAN THANH BÌNH | 17/08/1964 | *****38 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42007 |
| 31 | TRẦN THỊ THẢO BÌNH | 11/04/2002 | *****62 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 41988 |
| 32 | NGÔ ĐỨC BÌNH | 08/08/2000 | *****04 | Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An | x | Cm A1 | 41960 |
| 33 | HOÀNG THỊ BÓN | 16/12/1973 | *****50 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 39218 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|----|------------------|------------|--------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 34 | LƯƠNG VĂN CÁNH | 14/01/1985 | *****17 | Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An | x | | 37632 |
| 35 | HOÀNG THANH CAO | 01/09/2001 | *****05 | Xã Nghĩa Thọ, Nghệ An | x | | 1556 |
| 36 | LÊ VĂN CẦU | 12/10/1985 | *****56 | Xã Mường Ham, Nghệ An | x | | 3020 |
| 37 | NGUYỄN CHÍ CÔNG | 18/08/1981 | *****90 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 42272 |
| 38 | NGUYỄN ĐÌNH CÔNG | 07/07/1973 | *****28 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42273 |
| 39 | HỒ VĂN CÔNG | 09/10/1967 | *****50 | Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42271 |
| 40 | VÕ CHÍ CÔNG | 10/07/1976 | *****30 | Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An | x | | 39128 |
| 41 | NGUYỄN VĂN CÔNG | 26/06/1986 | *****69 | Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An | X | | 4146 |
| 42 | VŨ ĐỨC CUNG | 28/09/1986 | *****87 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 38654 |
| 43 | NGÔ CHÍ CƯỜNG | 03/04/1972 | *****76 | Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38084 |
| 44 | NGUYỄN VĂN CƯỜNG | 07/12/1999 | *****92 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39406 |
| 45 | HOÀNG XUÂN CƯỜNG | 02/08/1986 | *****08 | Xã Đức Đồng, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39460 |
| 46 | LÊ MẠNH CƯỜNG | 13/06/1993 | *****08 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42309 |
| 47 | PHAN MẠNH CƯỜNG | 28/02/1990 | *****22 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 C1 | 41493 |
| 48 | THÁI ĐÌNH CƯỜNG | 20/12/1988 | *****65 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 39155 |
| 49 | NGUYỄN VĂN CƯỜNG | 11/11/2004 | *****89 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 36420 |
| 50 | VÕ VĂN CƯỜNG | 20/02/1982 | *****54 | Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38533 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|----|---------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 51 | TRẦN CAO CƯỜNG | 31/10/2004 | *****98 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39156 |
| 52 | NGUYỄN BÁ CƯỜNG | 15/10/1984 | *****72 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39461 |
| 53 | NGUYỄN THỦ CHÂN | 15/09/1993 | *****80 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39458 |
| 54 | VI VĂN CHÂU | 01/02/1990 | *****64 | Xã Hữu Kiệm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38505 |
| 55 | LÊ MINH CHÂU | 20/04/1994 | *****51 | Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 2889 |
| 56 | NGUYỄN BẢO CHI | 27/11/2007 | *****90 | Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 42150 |
| 57 | NGUYỄN THỊ KIM CHI | 22/06/2002 | *****08 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42270 |
| 58 | LƯƠNG THỊ QUỲNH CHI | 08/06/2003 | *****91 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | | 41993 |
| 59 | ĐẶNG THỊ LINH CHI | 22/06/1999 | *****71 | Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42003 |
| 60 | TRẦN VĂN CHIẾN | 29/03/2002 | *****38 | Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An | x | | 38611 |
| 61 | HOÀNG VĂN CHIẾN | 29/08/1995 | *****36 | Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An | X | | 984 |
| 62 | THÁI KHẮC CHINH | 02/08/1978 | *****99 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42246 |
| 63 | HỒ BÁ CHÒ | 19/08/1979 | *****28 | Xã Huồi Tụ, Tỉnh Nghệ An | x | | 38058 |
| 64 | NGÔ KHẮC CHUNG | 22/04/2007 | *****42 | Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 42247 |
| 65 | NGUYỄN THANH CHUNG | 08/04/1990 | *****10 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 40521 |
| 66 | NGUYỄN VĨNH CHUNG | 01/10/1990 | *****80 | Xã Tiên Đông, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38507 |
| 67 | PHAN VĂN CHUNG | 08/10/1979 | *****12 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39459 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|----|----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 68 | NGUYỄN VĂN CHUNG | 27/05/1992 | *****70 | Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An | X | | 3999 |
| 69 | NGUYỄN TẮT CHỨC | 18/03/1995 | *****35 | Xã Văn Du, Tỉnh Nghệ An | x | C1 A.03 | 41492 |
| 70 | TRẦN VĂN CHƯƠNG | 01/09/1972 | *****62 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38973 |
| 71 | NGUYỄN THANH CHƯƠNG | 24/05/1996 | *****17 | Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38508 |
| 72 | PHẠM VĂN DANH | 10/05/1991 | *****85 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38006 |
| 73 | LÊ THỊ DIỄM | 15/10/1990 | *****01 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42275 |
| 74 | NGUYỄN THỊ DIỆP | 27/08/2003 | *****33 | Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1m | 42248 |
| 75 | PHAN LÊ DIỆU | 02/02/1984 | *****99 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 39262 |
| 76 | ĐINH THỊ DUNG | 10/10/1990 | *****41 | Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An | x | | 42249 |
| 77 | NGUYỄN THỊ THÙY DUNG | 25/07/1990 | *****96 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 7805 |
| 78 | HỒ ANH DŨNG | 25/11/2005 | *****81 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 39267 |
| 79 | TRẦN TRỌNG DŨNG | 14/08/1990 | *****23 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38395 |
| 80 | NGUYỄN XUÂN DŨNG | 17/08/1995 | *****51 | Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38512 |
| 81 | HỒ NGÔ TRÍ DŨNG | 21/04/2007 | *****07 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38780 |
| 82 | NGUYỄN DANH DŨNG | 12/07/2004 | *****04 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39140 |
| 83 | CAO VĂN DŨNG | 04/05/1990 | *****78 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | | 39245 |
| 84 | NGUYỄN TAM DŨNG | 19/10/1984 | *****16 | Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An | x | | 38813 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 85 | LÊ XUÂN DŨNG | 05/10/1985 | *****39 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 36213 |
| 86 | LÊ VĂN DŨNG | 15/09/2003 | *****95 | Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39157 |
| 87 | LÊ ĐĂNG DŨNG | 07/11/1994 | *****08 | Xã Nghĩa Thọ, Nghệ An | x | | 3025 |
| 88 | NGUYỄN HÙNG DỤNG | 26/10/1999 | *****11 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | X | | 4149 |
| 89 | NGUYỄN VĂN DUY | 29/10/2003 | *****61 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | | 39158 |
| 90 | NGUYỄN CAO DUY | 10/09/1978 | *****02 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 38555 |
| 91 | PHAN THỊ DUYÊN | 26/05/1998 | *****37 | Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41990 |
| 92 | TRƯƠNG CÔNG ĐẠI | 17/06/2002 | *****38 | Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38739 |
| 93 | ĐINH BẠT ĐẠI | 19/07/1993 | *****50 | Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39407 |
| 94 | NGUYỄN XUÂN ĐẠI | 24/04/1994 | *****08 | Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An | x | | 39488 |
| 95 | NGUYỄN XUÂN ĐẠI | 25/04/2002 | *****04 | Phường Quỳnh Mai, Nghệ An | x | | 3075 |
| 96 | TRẦN THỊ ĐÀO | 22/10/1995 | *****95 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42274 |
| 97 | NGUYỄN THỊ ĐÀO | 04/06/1996 | *****95 | Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An | x | | 38948 |
| 98 | CAO XUÂN ĐÀO | 15/10/1989 | *****00 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | | 38835 |
| 99 | NGUYỄN THỊ ĐÀO | 01/11/1987 | *****85 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | | 41940 |
| 100 | NGUYỄN DUY ĐẠT | 29/03/1998 | *****47 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38509 |
| 101 | TRẦN DANH ĐẠT | 16/11/1977 | *****61 | Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An | x | C1 A1 | 41704 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 102 | LÔ THANH ĐẠT | 04/04/1989 | *****43 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41662 |
| 103 | NGUYỄN THIỆN ĐẠT | 25/03/1995 | *****12 | Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 Cm | 41961 |
| 104 | TRẦN VĂN ĐẠT | 15/05/1967 | *****06 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39521 |
| 105 | TRẦN NGỌC ĐĂNG | 19/04/2005 | *****36 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38656 |
| 106 | TRẦN HỮU ĐIỆP | 10/08/1989 | *****75 | Xã Tiên Đông, Tỉnh Nghệ An | x | | 39408 |
| 107 | THÁI VĂN ĐÔ | 15/01/1971 | *****87 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 42310 |
| 108 | HỒ TRỌNG ĐÔ | 10/05/1997 | *****88 | Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An | x | | 41743 |
| 109 | HOÀNG VĂN ĐÔNG | 19/12/1989 | *****29 | Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An | x | | 42151 |
| 110 | TRẦN VĂN ĐÔNG | 01/06/1995 | *****76 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38893 |
| 111 | PHAN THANH ĐÔNG | 14/07/1989 | *****63 | Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh | x | Cm A1 | 41962 |
| 112 | TÔN THẾ ĐÔNG | 10/06/1984 | *****24 | Xã Tiên Đông, Nghệ An | x | | 2166 |
| 113 | LÊ ĐÌNH ĐỨC | 25/05/1999 | *****28 | Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42311 |
| 114 | TRẦN TRUNG ĐỨC | 15/05/1978 | *****66 | Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh | x | C1 A.03 | 40523 |
| 115 | ĐÀO MINH ĐỨC | 02/04/1991 | *****95 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 39520 |
| 116 | NGUYỄN HẢI ĐỨC | 30/05/1998 | *****94 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 38922 |
| 117 | PHẠM VĂN ĐỨC | 10/10/1994 | *****89 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 41705 |
| 118 | HOÀNG VĂN ĐỨC | 20/07/2000 | *****53 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 32943 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 119 | ĐẶNG THỊ VIỆT ĐỨC | 17/10/1976 | *****14 | Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 38920 |
| 120 | HOÀNG NGUYỄN BẢO ĐỨC | 25/11/2005 | *****25 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41756 |
| 121 | LÊ VĂN ĐỨC | 01/08/1971 | *****55 | Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An | X | | 4126 |
| 122 | LÊ THỊ THANH GIANG | 08/11/1997 | *****13 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42171 |
| 123 | NGUYỄN THỊ HOÀI GIANG | 04/06/2000 | *****06 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41908 |
| 124 | TRỊNH THU GIANG | 16/03/2004 | *****46 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39835 |
| 125 | NGUYỄN THỊ GIANG | 01/09/2000 | *****79 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39463 |
| 126 | PHAN HỒ GIÁO | 23/05/1989 | *****56 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 37013 |
| 127 | BÙI THẾ GIÁP | 25/06/1994 | *****62 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | | 38532 |
| 128 | LÊ THỊ HÀ | 13/11/1995 | *****83 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42172 |
| 129 | NGUYỄN VIỆT HÀ | 25/06/2004 | *****89 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42250 |
| 130 | BÙI THỊ NHƯ HÀ | 07/09/1992 | *****26 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | | 42312 |
| 131 | PHẠM NGUYỆT HÀ | 15/09/2003 | *****67 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | | 42313 |
| 132 | PHAN VĂN HÀ | 16/04/1997 | *****76 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38974 |
| 133 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ | 19/08/1985 | *****96 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 37234 |
| 134 | ĐẬU THỊ HÀ | 02/07/1989 | *****08 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39255 |
| 135 | PHÙNG VĂN HÀ | 10/05/1987 | *****91 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | | 38226 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 136 | DƯƠNG THỊ HÀ | 28/05/1991 | *****32 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | | 41581 |
| 137 | NGUYỄN VĂN HẢI | 25/05/1978 | *****89 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42173 |
| 138 | THÁI ĐÌNH HẢI | 10/01/1990 | *****06 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 38906 |
| 139 | PHAN TRỌNG HẢI | 10/03/1966 | *****99 | Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An | x | | 38902 |
| 140 | LÊ XUÂN HẢI | 04/12/2003 | *****88 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39254 |
| 141 | NGUYỄN DUY HẢI | 14/07/2003 | *****68 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39464 |
| 142 | NGUYỄN QUANG HẢI | 15/03/1966 | *****98 | Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 41104 |
| 143 | NGUYỄN NGỌC HẢI | 10/06/1990 | *****07 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | X | | 222 |
| 144 | NGUYỄN THỊ HẠNH | 11/09/1995 | *****91 | Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42174 |
| 145 | HỒ THỊ MỸ HẠNH | 29/04/1996 | *****11 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42252 |
| 146 | MAI THỊ HẠNH | 07/07/1982 | *****01 | Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 42277 |
| 147 | TRẦN ĐĂNG HÀO | 22/08/1976 | *****92 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | | 38039 |
| 148 | PHAN THỊ HẢO | 25/06/1982 | *****83 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 8756 |
| 149 | NGUYỄN THỊ HẢO | 26/01/1979 | *****97 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 40239 |
| 150 | VÕ THỊ HẰNG | 20/01/2000 | *****25 | Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42153 |
| 151 | HOÀNG THỊ THU HẰNG | 26/02/2001 | *****02 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | | 42152 |
| 152 | CAO THỊ MINH HẰNG | 23/05/2005 | *****64 | Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42251 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 153 | NGUYỄN THỊ DIỄM HẰNG | 17/05/1983 | *****68 | Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42276 |
| 154 | TRẦN THỊ HẰNG | 03/07/1979 | *****15 | Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 42314 |
| 155 | TRẦN THỊ HẰNG | 28/06/1985 | *****82 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42315 |
| 156 | TRẦN THỊ THU HẰNG | 10/07/1981 | *****91 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 41345 |
| 157 | PHẠM THỊ HẰNG | 03/09/1992 | *****43 | Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38886 |
| 158 | LÊ THỊ HẰNG | 08/08/1994 | *****10 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 41630 |
| 159 | CHU THỊ HẢI HẬU | 28/10/1987 | *****11 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 38596 |
| 160 | TRẦN KHÁNH HẬU | 01/01/1979 | *****98 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38192 |
| 161 | PHAN THỊ HIỀN | 03/02/1997 | *****43 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41999 |
| 162 | NGUYỄN THỊ HIỀN | 12/06/1986 | *****49 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42175 |
| 163 | VŨ THỊ HIỀN | 09/04/1983 | *****11 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42176 |
| 164 | NGUYỄN THỊ HIỀN | 01/05/1987 | *****00 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 41344 |
| 165 | TRẦN THỊ THU HIỀN | 03/07/1996 | *****68 | Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An | x | | 41768 |
| 166 | TRƯƠNG THU HIỀN | 01/12/2007 | *****00 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38800 |
| 167 | NGUYỄN DUY HIỀN | 05/05/1975 | *****66 | Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39409 |
| 168 | NGUYỄN VĂN HIỀN | 10/01/1977 | *****03 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42177 |
| 169 | ĐẶNG VĂN HIỀN | 29/06/1991 | *****97 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42253 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-----------------------|------------|--------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 170 | NGUYỄN THỊ HIỀN | 07/10/1980 | *****55 | Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42316 |
| 171 | NGUYỄN VĂN HIỀN | 27/07/1990 | *****29 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | C1 | 41494 |
| 172 | NGUYỄN VĂN HIỆP | 02/02/1997 | *****97 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | | 39136 |
| 173 | PHAN BÁ HIỆP | 22/07/1998 | *****43 | Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 36210 |
| 174 | NGUYỄN DOÃN TUẤN HIỆP | 15/06/2005 | *****17 | Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39249 |
| 175 | PHẠM VĂN HIẾU | 28/05/1983 | *****80 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 39256 |
| 176 | TRẦN TRUNG HIẾU | 05/06/1994 | *****25 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39062 |
| 177 | NGÔ SỸ HIẾU | 04/02/1999 | *****79 | Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An | X | A1 | 1306 |
| 178 | CAO THỊ HOA | 04/04/1996 | *****10 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42278 |
| 179 | NGUYỄN THỊ HOA | 26/06/1982 | *****36 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 42279 |
| 180 | NGUYỄN THỊ THU HOA | 20/11/1998 | *****31 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42318 |
| 181 | NGUYỄN THỊ HOA | 28/11/1982 | *****55 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42317 |
| 182 | TRẦN THỊ HOA | 13/09/1986 | *****94 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42319 |
| 183 | NGUYỄN VIỆT HOA | 10/07/1981 | *****59 | Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An | x | | 38816 |
| 184 | PHAN THỊ HOA | 05/08/1987 | *****27 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 41837 |
| 185 | ĐẶNG THỊ HOA | 10/08/1997 | *****15 | Xã Đồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 41669 |
| 186 | MAI THỊ HOA | 20/09/1976 | *****25 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39303 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 187 | NGUYỄN THỊ HÒA | 10/05/1981 | *****53 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 42154 |
| 188 | TRẦN THỊ HÒA | 10/10/1997 | *****73 | Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 42155 |
| 189 | ĐẬU VĂN HÒA | 30/10/1978 | *****67 | Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An | x | | 42320 |
| 190 | NGUYỄN XUÂN HÒA | 17/10/1991 | *****84 | Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 39465 |
| 191 | NGUYỄN VĂN HÓA | 24/07/1987 | *****92 | Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 38660 |
| 192 | ĐẶNG THỊ HOÀI | 02/02/1992 | *****40 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 42156 |
| 193 | LÊ THỊ HOÀI | 25/06/1994 | *****14 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 42254 |
| 194 | TRẦN THỊ HOÀI | 04/07/1999 | *****95 | Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41991 |
| 195 | HỒ ANH HOÀI | 10/09/2004 | *****38 | Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39034 |
| 196 | PHAN DUY HOÀI | 15/12/2005 | *****88 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 32247 |
| 197 | NGUYỄN THỊ HOÀI | 16/07/1996 | *****53 | Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 38904 |
| 198 | BÙI THỊ HOÀI | 16/04/1996 | *****54 | Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39082 |
| 199 | NGUYỄN NHÂN HOÀN | 20/04/1986 | *****70 | Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 39466 |
| 200 | HỒ THỊ KIM HOÀNG | 01/09/1991 | *****15 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42157 |
| 201 | NGUYỄN VĂN HOÀNG | 05/03/1997 | *****09 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 38989 |
| 202 | CAO VĂN HOÀNG | 29/01/1972 | *****27 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39160 |
| 203 | PHAN SỸ HOÀNG | 10/06/2000 | *****69 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39131 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-------------------|------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 204 | NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG | 28/06/1993 | *****17 | Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41839 |
| 205 | LÊ THANH HOÀNG | 03/04/1987 | *****12 | Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh | x | Cm A1 | 41963 |
| 206 | NGUYỄN MAI HOÀNG | 21/02/2005 | *****13 | Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42305 |
| 207 | ĐỒNG VĂN HOẠT | 04/03/1989 | *****69 | Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39268 |
| 208 | NGUYỄN HOẠT | 15/10/1985 | *****66 | Xã Tam Giang, Tỉnh Đắk Lắk | x | | 38722 |
| 209 | NGUYỄN HỮU HỒ | 15/11/1984 | *****99 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 41780 |
| 210 | VÕ QUANG HỒ | 26/10/1984 | *****40 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | B | 42013 |
| 211 | LIM VĂN HỒI | 12/04/1980 | *****07 | Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39410 |
| 212 | NGUYỄN VĂN HỘI | 05/11/1983 | *****08 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39467 |
| 213 | VÕ VĂN HUÂN | 02/06/2002 | *****48 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | |
| 214 | NGUYỄN THỊ HUỆ | 11/06/2000 | *****60 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41986 |
| 215 | LƯƠNG THỊ HUỆ | 18/05/1986 | *****99 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 42178 |
| 216 | HOÀNG THỊ HUỆ | 05/06/1996 | *****36 | Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An | x | | 40159 |
| 217 | NGUYỄN VĂN HÙNG | 20/04/1976 | *****61 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42179 |
| 218 | ĐỒNG QUANG HÙNG | 15/10/1971 | *****68 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 42280 |
| 219 | TRẦN MẠNH HÙNG | 24/01/1996 | *****25 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 36878 |
| 220 | NGUYỄN ĐÌNH HÙNG | 14/12/1994 | *****18 | Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 38894 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-----------------------|------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 221 | KHA VĂN HÙNG | 15/09/1990 | *****13 | Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An | x | | 39259 |
| 222 | PHAN VĂN HÙNG | 16/09/1978 | *****65 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | | 39300 |
| 223 | HOÀNG HUY HÙNG | 10/07/1997 | *****42 | Xã Đức Đồng, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39130 |
| 224 | ĐẶNG QUANG HÙNG | 10/02/1987 | *****17 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 39468 |
| 225 | PHẠM VĂN HÙNG | 24/07/1999 | *****79 | Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An | x | | 3067 |
| 226 | VÕ TÁ HÙNG | 24/02/1984 | *****87 | Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh | X | | 915 |
| 227 | TRẦN NGỌC HUY | 30/03/1986 | *****27 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 42281 |
| 228 | NGÔ GIA HUY | 20/09/2007 | *****31 | Xã Phú Vang, Thành Phố Huế | x | | 38900 |
| 229 | TRỊNH QUANG HUY | 21/08/2000 | *****23 | Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 37940 |
| 230 | LÊ VĂN HUY | 13/05/1997 | *****87 | Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 36380 |
| 231 | LÊ QUỐC HUY | 16/06/1993 | *****85 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | | 40604 |
| 232 | PHẠM NGỌC HUY | 19/08/2004 | *****05 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 39045 |
| 233 | HOÀNG THỊ THANH HUYỀN | 01/08/2001 | *****01 | Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42182 |
| 234 | LÔ THỊ HUYỀN | 14/09/1990 | *****09 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | | 42183 |
| 235 | NGÂN THỊ HUYỀN | 10/05/1981 | *****96 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | | 42184 |
| 236 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | 08/03/1997 | *****83 | Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42282 |
| 237 | NGUYỄN THANH HUYỀN | 01/05/1998 | *****86 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42011 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 238 | DOÃN THỊ LỆ HUYỀN | 03/05/1993 | *****39 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38840 |
| 239 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | 22/01/2001 | *****17 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42159 |
| 240 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | 18/09/2002 | *****52 | Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42158 |
| 241 | ĐẶNG THỊ MAI HƯƠNG | 27/04/2004 | *****89 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42180 |
| 242 | VÕ THỊ BÍCH HƯỜNG | 10/07/1984 | *****81 | Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42181 |
| 243 | TRẦN TRỌNG KIÊN | 10/02/1992 | *****84 | Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39471 |
| 244 | LÊ TRUNG KIÊN | 28/09/1984 | *****40 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39470 |
| 245 | ĐẶNG TUẤN KIẾT | 16/07/2006 | *****62 | Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An | x | | 39266 |
| 246 | NGUYỄN VĂN KỶ | 22/02/1993 | *****92 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 35490 |
| 247 | ĐẶNG BÁ KÝ | 28/08/1993 | *****30 | Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 40437 |
| 248 | HOÀNG ĐÌNH KHAI | 10/08/1977 | *****85 | Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39047 |
| 249 | VÕ QUANG KHANH | 05/09/1995 | *****27 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39411 |
| 250 | TRẦN VĂN KHANH | 27/03/1993 | *****67 | Xã Hợp Minh, Nghệ An | x | | |
| 251 | NGUYỄN CÔNG KHÁNH | 09/07/1995 | *****02 | Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42283 |
| 252 | TRẦN HỮU KHÁNH | 02/09/1979 | *****36 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 38013 |
| 253 | HOÀNG THÀNH KHÁNH | 10/05/1999 | *****25 | Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 36421 |
| 254 | LÊ XUÂN KHÁNH | 29/03/1994 | *****25 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38564 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 255 | NGUYỄN SỸ KHÁNH | 12/02/1988 | *****96 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39063 |
| 256 | PHAN VĂN KHÁNH | 07/12/1999 | *****26 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39469 |
| 257 | VÕ NGỌC KHÁNH | 23/07/2003 | *****34 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41877 |
| 258 | LƯƠNG VĂN KHÁNH | 01/12/1992 | *****65 | Xã Nghĩa Lộc, Nghệ An | x | | 2170 |
| 259 | NGUYỄN VĂN KHÁNH | 06/09/1987 | *****38 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | X | | 2651 |
| 260 | LƯƠNG VĂN KHOA | 26/12/1982 | *****98 | Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39246 |
| 261 | LƯƠNG VĂN KHUYẾN | 22/03/1992 | *****08 | Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 39269 |
| 262 | TRƯƠNG XUÂN KHƯƠNG | 17/04/1984 | *****18 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 11962 |
| 263 | LÊ THỊ LAM | 26/01/1988 | *****82 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42321 |
| 264 | BÙI THỊ LAM | 02/11/2000 | *****13 | Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An | x | | 39472 |
| 265 | TRẦN THỊ LÀNH | 26/11/1988 | *****64 | Phường Nam Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 41984 |
| 266 | TRẦN THỊ LÂM | 20/06/1984 | *****85 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42255 |
| 267 | TRẦN VĂN LÂM | 15/10/1970 | *****32 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42256 |
| 268 | NGUYỄN TÙNG LÂM | 22/07/1995 | *****02 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39264 |
| 269 | LÊ VĂN LÂM | 20/10/1981 | *****91 | Xã Cam Hồng, Tỉnh Quảng Trị | x | A1 | 39089 |
| 270 | TRẦN THỊ LẬP | 02/09/1972 | *****91 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42284 |
| 271 | NGUYỄN THỊ LÊ | 22/03/2000 | *****59 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42160 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|---------------------|------------|--------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 272 | NGUYỄN THỊ LÊ | 10/06/1993 | *****92 | Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 41845 |
| 273 | PHẠM THỊ LÊ | 18/09/2001 | *****61 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 41087 |
| 274 | HOÀNG NHẬT LÊ | 13/02/2001 | *****03 | Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42161 |
| 275 | NGUYỄN THỊ LỊCH | 17/07/1975 | *****89 | Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39918 |
| 276 | ĐINH THỊ LIÊN | 10/02/1997 | *****11 | Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42257 |
| 277 | NGUYỄN THỊ KIM LIÊN | 02/09/1991 | *****11 | Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42322 |
| 278 | NGUYỄN THỊ LIÊN | 05/03/1990 | *****58 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39253 |
| 279 | NGUYỄN THỊ LINH | 15/09/1986 | *****65 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 42162 |
| 280 | QUÁCH THÙY LINH | 08/02/2007 | *****05 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1m | 42323 |
| 281 | LÊ THỊ DIỆU LINH | 08/04/1996 | *****38 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41675 |
| 282 | TRẦN THỊ MỸ LINH | 09/11/1991 | *****57 | Phường Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa | x | A1 | 39064 |
| 283 | LƯU VĂN LINH | 06/08/1987 | *****95 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38318 |
| 284 | HÀ ĐÌNH LINH | 02/06/1984 | *****34 | Xã Công Chính, Tỉnh Thanh Hóa | x | Cm | 41964 |
| 285 | LÊ THỊ KIỀU LINH | 12/10/1994 | *****42 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39106 |
| 286 | TRẦN THỌ LỊNH | 30/12/1991 | *****59 | Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An | X | | 4331 |
| 287 | VÕ THỊ LOAN | 10/01/1993 | *****56 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42258 |
| 288 | LÊ THỊ LOAN | 24/06/2000 | *****63 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38466 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 289 | DƯƠNG THỊ KIM LOAN | 18/05/1989 | *****33 | Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 36082 |
| 290 | TRẦN VĂN LONG | 30/10/1988 | *****40 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39473 |
| 291 | PHẠM SỸ LỘC | 22/09/1982 | *****69 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38542 |
| 292 | NGUYỄN VĂN LỢI | 12/10/1972 | *****25 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 38515 |
| 293 | TRẦN SỸ LỢI | 07/03/1981 | *****07 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 25916 |
| 294 | ĐẬU VĂN LUYỆN | 09/01/1984 | *****02 | Xã Thành Lĩnh, Tỉnh Nghệ An | x | | 37938 |
| 295 | THÁI ĐÌNH LỰC | 18/06/1999 | *****41 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39474 |
| 296 | HÀ HUY LỢC | 23/03/2001 | *****98 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42285 |
| 297 | NGUYỄN VĂN LƯƠNG | 25/03/1982 | *****90 | Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38610 |
| 298 | NGUYỄN THANH LƯƠNG | 03/02/1988 | *****49 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 39241 |
| 299 | BÙI ĐẠI LƯỢNG | 26/03/1996 | *****21 | Xã Đức Đồng, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39475 |
| 300 | TRẦN VĂN LỰU | 10/08/1991 | *****12 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38516 |
| 301 | PHAN THỊ KHÁNH LY | 15/12/1999 | *****54 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1m | 41601 |
| 302 | LÊ THỊ HẢI LÝ | 24/08/1985 | *****39 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42540 |
| 303 | TRẦN THỊ HẢI LÝ | 06/07/1977 | *****97 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 41982 |
| 304 | VÕ VĂN LÝ | 08/10/1983 | *****82 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39412 |
| 305 | TRẦN THỊ MAI | 28/09/1991 | *****75 | Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An | x | | 42163 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-----------------------|------------|--------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 306 | PHAN THỊ MAI | 08/06/1999 | *****94 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42324 |
| 307 | NGUYỄN THỊ MAI | 25/07/1981 | *****21 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42394 |
| 308 | PHẠM THỊ MAI | 06/03/1987 | *****51 | Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An | x | | 39026 |
| 309 | NGUYỄN THỊ THANH MAI | 25/01/2003 | *****47 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39031 |
| 310 | LÊ THỊ THANH MAI | 01/09/1991 | *****28 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | | 41983 |
| 311 | TRẦN VĂN MAI | 10/08/1992 | *****03 | Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39476 |
| 312 | TRẦN THỊ MAI | 04/12/1995 | *****06 | Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42037 |
| 313 | NGUYỄN VĂN MẠNH | 28/01/2002 | *****33 | Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38445 |
| 314 | NGUYỄN HỮU MẠNH | 05/08/2007 | *****81 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41886 |
| 315 | NGUYỄN HỮU MẠNH | 13/09/1995 | *****58 | Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39413 |
| 316 | NGUYỄN VĂN MẠNH | 06/02/1986 | *****33 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 39478 |
| 317 | LÊ ĐỨC MẠNH | 30/01/2005 | *****61 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39477 |
| 318 | NGUYỄN THỊ MÃO | 10/08/1975 | *****27 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42286 |
| 319 | KHA THỊ MẪN | 08/09/1985 | *****64 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 42185 |
| 320 | DUY HẰNG MINH | 04/03/1988 | *****40 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 42164 |
| 321 | NGUYỄN THỊ THANH MINH | 20/06/1999 | *****56 | Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An | x | | 42186 |
| 322 | CUNG THỊ MINH | 04/08/1987 | *****88 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 42287 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 323 | NGUYỄN HỮU MINH | 25/02/2006 | *****02 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | | 38842 |
| 324 | HOÀNG LÊ THIÊN MINH | 06/12/2005 | *****91 | Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39065 |
| 325 | THÁI HỮU MINH | 10/11/1964 | *****56 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 40067 |
| 326 | ĐÀO VĂN MINH | 24/01/1996 | *****96 | Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39033 |
| 327 | LÊ VĂN MINH | 27/11/1988 | *****49 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39350 |
| 328 | VI VĂN MINH | 30/10/1986 | *****59 | Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 35950 |
| 329 | ĐÀO VĂN MINH | 06/12/2002 | *****47 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | X | A1 | 361 |
| 330 | KHA THỊ MƠ | 13/07/1984 | *****70 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 40258 |
| 331 | NGUYỄN THỊ MƠ | 28/01/1999 | *****27 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39164 |
| 332 | NGUYỄN THỊ MÙI | 04/04/1991 | *****75 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41591 |
| 333 | NGUYỄN THỊ MÙI | 03/06/1991 | *****42 | Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 38977 |
| 334 | LƯƠNG VĂN MÙI | 13/06/1992 | *****30 | Xã Quỳnh Châu, Nghệ An | x | A1 | 2508 |
| 335 | CAO NGỌC MY | 08/07/2002 | *****7 | Xã Xuân Mai, Thành Phố Hà Nội | x | | 42187 |
| 336 | PHẠM TRÀ MY | 17/08/2005 | *****13 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42325 |
| 337 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY | 14/04/2003 | *****70 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41985 |
| 338 | NGUYỄN THỊ MỸ | 20/12/1995 | *****87 | Phường Hoài Nhơn Đông, Tỉnh Gia Lai | x | A1 | 42259 |
| 339 | ĐÀO THỊ NGỌC MỸ | 08/05/1989 | *****65 | Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41766 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|----------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 340 | ĐẶNG ĐÌNH NAM | 03/04/2003 | *****96 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 37481 |
| 341 | THÁI VĂN NAM | 29/03/1990 | *****09 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38911 |
| 342 | TRƯỜNG HOÀI NAM | 21/06/1992 | *****75 | Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39050 |
| 343 | NGUYỄN VĂN NAM | 14/10/1998 | *****74 | Phường Tân Mai, Nghệ An | x | A1 | 2904 |
| 344 | NGUYỄN VĂN NAM | 15/07/1999 | *****83 | Xã Xuân Lập, Thanh Hóa | x | | 3035 |
| 345 | TRẦN HOÀI NAM | 11/04/2002 | *****97 | Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh | X | A1 | 4310 |
| 346 | NGUYỄN ĐÌNH NĂNG | 12/10/1986 | *****79 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38446 |
| 347 | VŨ HỮU NINH | 20/03/1995 | *****29 | Xã Nghĩa Đàn, Nghệ An | x | | 2670 |
| 348 | NGUYỄN THỊ NGA | 20/11/1989 | *****67 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42288 |
| 349 | HỒ THỊ NGA | 06/10/2003 | *****05 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39165 |
| 350 | HỒ THỊ NGA | 07/05/1997 | *****62 | Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39153 |
| 351 | NGUYỄN THỊ NGA | 16/09/1984 | *****79 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 40725 |
| 352 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA | 10/10/1993 | *****43 | Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42006 |
| 353 | PHAN THỊ NGÀ | 05/01/1993 | *****17 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38899 |
| 354 | LÔ THỊ NGÂN | 23/08/1998 | *****51 | Xã Lượng Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41995 |
| 355 | NGUYỄN PHAN KIM NGÂN | 01/12/2007 | *****90 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | | 41789 |
| 356 | LÊ DOÃN NGHĨA | 22/10/2002 | *****24 | Xã Văn Tụ, Nghệ An | x | | |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 357 | TRẦN QUANG NGỌC | 08/09/1979 | *****82 | Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 42289 |
| 358 | LƯƠNG THỊ NGỌC | 20/02/1996 | *****71 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39167 |
| 359 | PHAN THỊ NGỌC | 15/10/1998 | *****56 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 40563 |
| 360 | NGUYỄN PHÚC NGUYỄN | 24/04/2004 | *****14 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38955 |
| 361 | LÊ THỊ NGUYỆT | 10/09/1996 | *****98 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41681 |
| 362 | PHAN THỊ NGŨ | 11/08/1976 | *****57 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 40728 |
| 363 | NGUYỄN THỊ NHÀN | 16/06/1992 | *****64 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 42260 |
| 364 | LÊ CẢNH NHÀN | 12/06/1993 | *****61 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 39479 |
| 365 | PHẠM THỊ NHÂN | 25/10/1981 | *****22 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 42290 |
| 366 | TRẦN QUỐC NHẤT | 03/11/1989 | *****26 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42326 |
| 367 | NGUYỄN THỊ NHẤT | 12/02/1991 | *****79 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 41396 |
| 368 | NGUYỄN MINH NHẬT | 17/08/2006 | *****80 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38431 |
| 369 | VŨ THỊ YẾN NHI | 16/06/2001 | *****07 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42165 |
| 370 | NGUYỄN THỊ AN NHI | 22/05/2003 | *****027 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 39863 |
| 371 | LÊ HOÀI NHI | 01/05/2005 | *****98 | Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42010 |
| 372 | CAO THỊ HỒNG NHUNG | 04/10/1988 | *****52 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42291 |
| 373 | ĐẶNG CẨM NHUNG | 14/02/2006 | *****11 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 40394 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|---------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 374 | NGUYỄN THỊ NHUNG | 28/01/1991 | *****92 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 37266 |
| 375 | ĐẬU THỊ NHUNG | 05/02/1997 | *****53 | Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39414 |
| 376 | LƯƠNG THỊ KIM NHUNG | 24/02/2001 | *****82 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39480 |
| 377 | TRẦN THỊ NGỌC NHƯ | 17/03/2007 | *****17 | Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38946 |
| 378 | THÁI THỊ OANH | 14/04/1989 | *****00 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 41998 |
| 379 | VÕ THỊ TÚ OANH | 16/02/1989 | *****29 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | | 41569 |
| 380 | CỤT VĂN PÈN | 27/04/1985 | *****87 | Xã Nậm Cắn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38519 |
| 381 | HOÀNG MINH PHÁP | 01/12/1997 | *****10 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A.01 | 39257 |
| 382 | PHAN XUÂN PHÁP | 18/08/1998 | *****22 | Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 39415 |
| 383 | TRƯƠNG VĂN PHI | 02/01/1989 | *****30 | Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39270 |
| 384 | KHA VĂN PHI | 14/04/1997 | *****55 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 16007 |
| 385 | TRẦN DUY PHONG | 19/03/1988 | *****60 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 38718 |
| 386 | TRẦN VĂN PHONG | 16/09/1988 | *****91 | Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39067 |
| 387 | LÊ VĂN PHONG | 19/07/1996 | *****52 | Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An | X | | 4067 |
| 388 | NGUYỄN ĐÌNH PHÚC | 18/03/1995 | *****70 | Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38556 |
| 389 | MAI VĂN PHÚC | 20/10/1990 | *****57 | Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An | x | C1 A.03 | 41701 |
| 390 | HỒ PHÚC | 15/09/1988 | *****68 | Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | Cm A1 | 41965 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-----------------------|------------|--------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 391 | PHAN ĐÌNH PHƯỚC | 23/02/1995 | *****27 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 41137 |
| 392 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | 25/02/1988 | *****2 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42167 |
| 393 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | 10/10/1992 | *****80 | Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An | x | | 42166 |
| 394 | LÊ THỊ PHƯƠNG | 13/05/1983 | *****42 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42189 |
| 395 | HỒ THỊ BÍCH PHƯƠNG | 12/04/2001 | *****16 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 42188 |
| 396 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | 20/03/1999 | *****75 | Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 42292 |
| 397 | NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG | 19/05/1992 | *****61 | Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42293 |
| 398 | CAO THỊ MỸ PHƯƠNG | 08/12/1996 | *****42 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38931 |
| 399 | PHAN THỊ PHƯƠNG | 01/01/1984 | *****43 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38470 |
| 400 | NGUYỄN VĂN PHƯƠNG | 10/08/1986 | *****08 | Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39481 |
| 401 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG | 10/12/1988 | *****96 | Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42294 |
| 402 | PHAN THỊ PHƯỢNG | 06/06/1990 | *****08 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41766 |
| 403 | VI VĂN PHƯỢNG | 25/03/1989 | *****20 | Xã Quế Phong, Nghệ An | x | | 2944 |
| 404 | THÁI BÁ QUANG | 11/04/1989 | *****50 | Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 41138 |
| 405 | NGÔ VĂN QUANG | 08/06/1991 | *****56 | Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39404 |
| 406 | NGUYỄN ĐĂNG QUANG | 05/01/2008 | *****59 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | | 41647 |
| 407 | CAO THIÊN QUANG | 02/07/1997 | *****32 | Xã Nghĩa Hưng, Nghệ An | x | | 2992 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 408 | NGUYỄN VĂN QUẢNG | 10/05/1978 | *****03 | Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 35866 |
| 409 | TRƯƠNG QUỐC QUÂN | 19/05/2005 | *****59 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 37952 |
| 410 | NGUYỄN HÀM QUÂN | 05/05/2003 | *****75 | Xã Tiên Đông, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38275 |
| 411 | TRẦN VĂN QUÂN | 24/06/1999 | *****06 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39416 |
| 412 | NGUYỄN TRỌNG QUÂN | 17/09/2002 | *****20 | Xã Nghĩa Đông, Nghệ An | x | A1 | 3074 |
| 413 | NGUYỄN ANH QUỐC | 19/09/1992 | *****00 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 36282 |
| 414 | NGÔ VĂN QUÝ | 14/06/1973 | *****71 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39403 |
| 415 | NGÔ XUÂN QUÝ | 22/02/1990 | *****93 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39263 |
| 416 | PHẠM THỊ QUÝ | 31/05/2003 | *****31 | Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41853 |
| 417 | NGUYỄN NGỌC QUÝ | 11/02/2003 | *****77 | Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39355 |
| 418 | NGUYỄN THỊ QUYÊN | 31/01/2007 | *****94 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | A1m | 42296 |
| 419 | NGUYỄN THỊ QUYÊN | 02/01/2000 | *****40 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42295 |
| 420 | NGUYỄN ĐỨC QUYẾN | 20/07/1999 | *****63 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39417 |
| 421 | NGUYỄN TIẾN QUYẾT | 20/08/1979 | *****99 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38587 |
| 422 | NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH | 17/08/2000 | *****06 | Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42297 |
| 423 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | 11/02/1997 | *****83 | Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An | x | | 42012 |
| 424 | NGUYỄN QUANG SANG | 19/01/1999 | *****08 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 38190 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 425 | BÙI VIỆT SANG | 10/11/1996 | *****74 | Xã Đông Hiếu, Nghệ An | x | | 3053 |
| 426 | NGÔ VĂN SÁNG | 17/12/1979 | *****47 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 39418 |
| 427 | TRƯƠNG VĂN SAO | 17/08/2007 | *****92 | Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An | x | | 41648 |
| 428 | LỮ VĂN SÁU | 20/04/1978 | *****73 | Xã Mường Quảng, Nghệ An | x | | 3040 |
| 429 | TRẦN THỊ HƯƠNG SEN | 05/12/1994 | *****47 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | | 41687 |
| 430 | PHAN THỊ SEN | 22/12/1996 | *****38 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39106 |
| 431 | NGUYỄN HỒNG SINH | 29/01/1974 | *****99 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | | 39068 |
| 432 | LÊ MẠNH SƠN | 19/02/1995 | *****46 | Phường Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên | x | | 39123 |
| 433 | NGUYỄN HỒNG SƠN | 02/03/1999 | *****73 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 37955 |
| 434 | NGUYỄN DUY SƠN | 01/06/1984 | *****85 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 41619 |
| 435 | ĐẶNG VĂN SƠN | 20/12/1990 | *****97 | Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An | x | | 37190 |
| 436 | NGUYỄN VĂN SƠN | 10/05/1995 | *****14 | Hưng NGUYỄN, NGHỆ AN | x | | |
| 437 | HOÀNG VĂN SỰ | 02/02/1997 | *****28 | Xã Nghĩa Thọ, Nghệ An | x | | 2649 |
| 438 | LÊ THỊ MAI SƯƠNG | 16/06/1986 | *****94 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42261 |
| 439 | LÊ THỊ SƯƠNG | 07/01/1986 | *****65 | Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An | x | | 38908 |
| 440 | LÔ THỊ VÂN SƯƠNG | 27/12/2001 | *****71 | Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38570 |
| 441 | NGUYỄN XUÂN SỬU | 27/11/1997 | *****02 | Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An | X | | 4334 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|-------------------|------------|--------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 442 | NGUYỄN VĂN SỸ | 14/07/1980 | *****18 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 37349 |
| 443 | NGŨ VĂN TÂM | 10/10/1979 | *****40 | Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An | x | | 38932 |
| 444 | TÔ THÀNH TÂM | 06/06/1984 | *****98 | Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 41495 |
| 445 | VI THỊ TÂN | 02/07/1986 | *****12 | Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An | x | | 39178 |
| 446 | NGUYỄN TIẾN TÂN | 06/12/1971 | *****75 | Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A.03 Cm | 41966 |
| 447 | PHAN HUY TIẾN | 19/09/1984 | *****59 | Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42194 |
| 448 | VÕ VĂN TIN | 15/03/1994 | *****64 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38527 |
| 449 | LƯƠNG VĂN TIN | 18/09/1979 | *****79 | Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An | x | | 38203 |
| 450 | VI THỊ TÍP | 17/07/1976 | *****55 | Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39179 |
| 451 | NGUYỄN VĂN TOÀN | 10/09/2003 | *****51 | Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai | x | | 39265 |
| 452 | NGUYỄN CÔNG TOÀN | 09/12/1968 | *****10 | Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An | x | | 37945 |
| 453 | LÊ THANH TOÀN | 23/08/1976 | *****77 | Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An | x | | 39376 |
| 454 | VÕ MINH TOÀN | 09/09/1993 | *****66 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39421 |
| 455 | NGUYỄN HỮU TOÀN | 17/05/1994 | *****52 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | | 39483 |
| 456 | NGUYỄN KHÁNH TOÀN | 17/07/2003 | *****34 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39484 |
| 457 | TRẦN QUỐC TOÀN | 04/08/1971 | *****52 | Xã Nghĩa Đàn, Nghệ An | x | | 807 |
| 458 | TRẦN NGỌC TOÁN | 01/07/1981 | *****43 | Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An | x | | 41980 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 459 | NGUYỄN VĂN TOÁN | 05/02/1983 | *****49 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 41653 |
| 460 | LÊ ANH TÚ | 16/01/2000 | *****29 | Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An | x | C1 | 42147 |
| 461 | NGUYỄN THỊ TÚ | 08/10/1994 | *****91 | Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42008 |
| 462 | PHẠM ANH TÚ | 15/05/1979 | *****20 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38382 |
| 463 | TẶNG THỊ CẨM TÚ | 25/06/2006 | *****85 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 41594 |
| 464 | LƯƠNG NHẬT TÚ | 22/06/1998 | *****31 | Tương Dương, Nghệ An | x | | |
| 465 | HOÀNG ANH TUẤN | 20/11/2006 | *****04 | Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42195 |
| 466 | NGUYỄN VĂN TUẤN | 20/07/1971 | *****45 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42332 |
| 467 | HOÀNG VĂN TUẤN | 12/09/1981 | *****23 | Xã Cỏ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39175 |
| 468 | ĐẶNG THANH TUẤN | 02/10/1991 | *****07 | Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38609 |
| 469 | HOÀNG THÁI TUẤN | 26/05/1983 | *****29 | Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An | x | | 35609 |
| 470 | NGUYỄN HỮU TUẤN | 17/05/1996 | *****81 | Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An | x | | 38528 |
| 471 | LƯƠNG LÔ MINH TUẤN | 17/08/2002 | *****67 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38070 |
| 472 | PHAN ANH TUẤN | 01/09/1973 | *****98 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41989 |
| 473 | NGUYỄN DUY TUẤN | 14/07/2007 | *****35 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 37753 |
| 474 | NGUYỄN ĐÌNH TUẾ | 03/08/1984 | *****29 | Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38530 |
| 475 | ĐẶNG VĂN TÙNG | 21/11/1988 | *****53 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 42265 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 476 | TRỊNH THỊ THANH TÙNG | 26/06/1989 | *****34 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42304 |
| 477 | TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT | 25/09/2004 | *****02 | Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 37964 |
| 478 | NGUYỄN THỊ ĐỨC TỪ | 11/03/1990 | *****01 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | | 42303 |
| 479 | VI VĂN TUỜNG | 25/05/1984 | *****47 | Xã Mùong Chông, Nghệ An | x | | 2743 |
| 480 | PHAN THANH THÁI | 20/10/1969 | *****53 | Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 42190 |
| 481 | NGÔ ĐỨC THÁI | 20/01/2008 | *****82 | Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39052 |
| 482 | NGUYỄN ĐÌNH THÁI | 02/09/1996 | *****68 | Xã Cẩm Hưng, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39435 |
| 483 | TRẦN THỊ THANH | 10/03/1985 | *****77 | Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42262 |
| 484 | THÁI THỊ THANH | 03/08/2001 | *****50 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42328 |
| 485 | NGÔ VĂN THANH | 03/02/1979 | *****48 | Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An | x | | 39134 |
| 486 | NGUYỄN CHÍ THANH | 26/10/1983 | *****10 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 37067 |
| 487 | TRẦN THỊ HOÀI THANH | 26/07/1985 | *****98 | Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 36322 |
| 488 | NGUYỄN THỊ THÀNH | 20/09/1990 | *****20 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 42329 |
| 489 | ĐỖ NGÔ TIẾN THÀNH | 10/08/1996 | *****11 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 38935 |
| 490 | HÀ HUY ĐỨC THÀNH | 01/09/2002 | *****61 | Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An | x | | 41994 |
| 491 | NGUYỄN VĂN THÀNH | 19/06/2007 | *****90 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 39250 |
| 492 | TRẦN TRUNG THÀNH | 10/10/1990 | *****51 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38979 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----------|---------------------|------------------|---------------------|------------------------------|--|------------------------|---|
| 493 | NGUYỄN VĂN THÀNH | 13/08/2000 | *****12 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39419 |
| 494 | NGUYỄN THỊ THẢO | 27/01/1996 | *****29 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42263 |
| 495 | NGUYỄN THỊ THU THẢO | 03/12/2001 | *****29 | Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42299 |
| 496 | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO | 15/07/1992 | *****39 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38936 |
| 497 | LÔ THỊ THẢO | 20/04/1988 | *****20 | Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38098 |
| 498 | HOÀNG VĂN THẢO | 24/07/2001 | *****79 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | | 38218 |
| 499 | VŨ PHƯƠNG THẢO | 27/05/1999 | *****45 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42388 |
| 500 | LÊ THỊ HỒNG THẨM | 25/10/1988 | *****54 | Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42298 |
| 501 | TRẦN THỊ HỒNG THẨM | 05/11/1993 | *****26 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 42327 |
| 502 | PHẠM VĂN THẮNG | 27/12/2001 | *****07 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 38624 |
| 503 | VI CAO THẮNG | 29/02/2000 | *****81 | Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39133 |
| 504 | THÁI VĂN THẮNG | 27/06/1994 | *****93 | Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41619 |
| 505 | NGUYỄN VĂN THẮNG | 16/07/1992 | *****62 | Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38671 |
| 506 | LƯU ĐỨC THẮNG | 08/05/1982 | *****13 | Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 39135 |
| 507 | NGUYỄN VĂN THẮNG | 23/07/1987 | *****51 | Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An | X | | 4153 |
| 508 | VI VĂN THẮNG | 05/05/2002 | *****24 | Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An | X | | 694 |
| 509 | NGUYỄN VĂN THÂN | 03/07/1988 | *****88 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 36101 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|---------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 510 | VI VĂN THẾ | 16/07/1987 | *****90 | Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39053 |
| 511 | LÔ KHẮM THÊM | 10/05/1985 | *****19 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 34549 |
| 512 | LỮ VĂN THIÊM | 30/04/1997 | *****45 | Xã Hữu Kiệm, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38526 |
| 513 | TRẦN THỊ THIỆN | 13/11/2000 | *****47 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42264 |
| 514 | NGUYỄN VÕ THỊNH | 20/06/1989 | *****39 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 38965 |
| 515 | PHẠM VĂN THỊNH | 05/05/1988 | *****82 | Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38938 |
| 516 | NGÔ BÁ THỊNH | 20/02/1990 | *****26 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | | 38675 |
| 517 | UÔNG THỊ THOA | 17/05/1986 | *****95 | Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42005 |
| 518 | LÊ KIM THOA | 16/10/1990 | *****87 | Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39054 |
| 519 | TRẦN VĂN THÔNG | 23/11/2006 | *****74 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 39132 |
| 520 | NGUYỄN THỊ HỒNG THƠ | 10/07/1993 | *****22 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41997 |
| 521 | NGUYỄN THỊ HOÀI THU | 05/07/1996 | *****86 | Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An | x | | 42191 |
| 522 | NGUYỄN THỊ THU | 14/05/1991 | *****39 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42300 |
| 523 | NGUYỄN THIỆN THU | 15/08/1975 | *****23 | Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38826 |
| 524 | NGUYỄN ĐĂNG THUẬN | 16/02/1986 | *****94 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 36799 |
| 525 | LÊ HIỆU THUẬN | 11/01/2005 | *****68 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 37345 |
| 526 | NGUYỄN ĐỨC THUẬN | 06/05/1997 | *****07 | Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An | X | | 4142 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|------------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 527 | NGUYỄN THANH THÙY | 18/05/1986 | *****41 | Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42193 |
| 528 | HOÀNG VĂN THỦY | 08/02/1990 | *****19 | Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 38572 |
| 529 | PHAN THỊ THỦY | 20/04/1977 | *****06 | Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An | x | | 39248 |
| 530 | NGUYỄN XUÂN THỦY | 07/11/1999 | *****28 | Xã Đông Hiếu, Nghệ An | x | A1 | 3048 |
| 531 | TRẦN THỊ DIỆU THÚY | 18/02/2001 | *****66 | Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41563 |
| 532 | HOÀNG NGHĨA THUYẾT | 01/01/1974 | *****78 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | | 38941 |
| 533 | HOÀNG THỊ ANH THƯ | 13/10/2004 | *****45 | Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An | x | | 41579 |
| 534 | NGUYỄN VĂN THỨC | 10/02/1988 | *****03 | Hưng Nguyên, Nghệ An | x | | |
| 535 | NGUYỄN VĂN THỰC | 17/10/1978 | *****05 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38243 |
| 536 | NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG | 13/09/2005 | *****28 | Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42330 |
| 537 | NGUY THỊ THƯƠNG | 22/12/1986 | *****84 | Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 40171 |
| 538 | BÙI THỊ THƯƠNG | 16/05/1991 | *****22 | Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39244 |
| 539 | NGUYỄN THỊ YẾN THƯƠNG | 22/05/1991 | *****81 | Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 39420 |
| 540 | HOÀNG THỊ THƯỜNG | 01/07/1988 | *****28 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 36913 |
| 541 | PHAN CÔNG THƯỜNG | 16/06/1990 | *****01 | Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | B | 40992 |
| 542 | NGUYỄN CẢNH THƯỜNG | 28/05/1994 | *****05 | Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An | X | A1 | 4198 |
| 543 | NGUYỄN XUÂN THƯỢNG | 15/10/1978 | *****77 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41957 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|------------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 544 | THÁI THỊ TRÀ | 03/09/2003 | *****98 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | A1m | 42331 |
| 545 | TRẦN ĐÀI TRANG | 02/12/2000 | *****57 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42302 |
| 546 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | 23/10/1990 | *****23 | Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42301 |
| 547 | NGÔ THỊ HIỀN TRANG | 27/05/1989 | *****21 | Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An | x | | 41078 |
| 548 | NGUYỄN THỊ MAI TRANG | 03/12/2007 | *****70 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 41996 |
| 549 | PHAN THỊ TRANG | 11/01/1992 | *****17 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 41864 |
| 550 | HOÀNG MẠNH TRÍ | 13/10/1991 | *****12 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39247 |
| 551 | VÕ VĂN TRIỂN | 02/11/1977 | *****56 | Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An | x | | 42303 |
| 552 | NGUYỄN ĐÌNH TRIẾT | 05/07/2002 | *****00 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 38881 |
| 553 | NGUYỄN QUANG TRIỀU | 25/05/1993 | *****64 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38589 |
| 554 | ĐẬU DANH TRIỀU | 06/09/1998 | *****52 | Phường Quỳnh Mai, Nghệ An | x | | 2064 |
| 555 | LÊ THỊ THANH TRÚC | 26/02/2004 | *****11 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 37330 |
| 556 | TRẦN VIẾT TRUNG | 15/12/2005 | *****95 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 39260 |
| 557 | HOÀNG THẾ TRUNG | 29/11/2003 | *****27 | Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 39151 |
| 558 | LƯƠNG NGỌC TRUNG | 22/06/1979 | *****06 | Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An | x | | 39261 |
| 559 | TRẦN NAM TRUNG | 18/11/1977 | *****17 | Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39240 |
| 560 | TRẦN BẢO TRUNG | 26/06/1996 | *****84 | Xã Ia Hrug, Tỉnh Gia Lai | x | A1 | 39004 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 561 | NGUYỄN ĐÌNH TRUNG | 02/08/1994 | *****78 | Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An | x | | 39097 |
| 562 | NGUYỄN VĂN TRUNG | 16/04/1999 | *****34 | Xã Nghĩa Đồng, Nghệ An | x | | 2983 |
| 563 | PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG | 07/05/1992 | *****09 | Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 38980 |
| 564 | NGUYỄN BÁ TRƯỜNG | 16/05/1989 | *****37 | Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An | x | | 23835 |
| 565 | TRẦN THỊ KIM UYÊN | 25/12/1981 | *****68 | Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An | x | | 42333 |
| 566 | LÔ THỊ TÚ UYÊN | 16/01/1994 | *****60 | Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An | x | | 38855 |
| 567 | LÊ QUANG VĂN | 07/08/1980 | *****53 | Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An | x | | 39485 |
| 568 | NGUYỄN THỊ VÂN | 30/10/1990 | *****41 | Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An | x | | 42334 |
| 569 | LÊ THỊ VÂN | 11/08/1986 | *****50 | Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An | x | | 42004 |
| 570 | NGUYỄN THỊ VÂN | 05/10/1996 | *****88 | Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41936 |
| 571 | DƯƠNG THỊ VÂN | 01/02/1993 | *****51 | Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 41693 |
| 572 | LƯU VĂN VỊCH | 12/08/1985 | *****34 | Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An | x | | 39252 |
| 573 | NGUYỄN THỊ SINH VIÊN | 28/08/1999 | *****86 | Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42266 |
| 574 | PHAN ĐÌNH VIỆT | 05/04/1994 | *****12 | Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42009 |
| 575 | HOÀNG QUỐC VIỆT | 18/05/1995 | *****15 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 39486 |
| 576 | NGUYỄN ĐÌNH VINH | 09/05/2002 | *****11 | Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42170 |
| 577 | VÕ THỊ HỒNG VINH | 30/05/1974 | *****80 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 41979 |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số định danh | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có GPLX hạng | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo |
|-----|---------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------|--|
| 578 | LÊ VĂN VINH | 21/12/1994 | *****40 | Xã Nghĩa Thọ, Nghệ An | x | | 2656 |
| 579 | TÓNG TRẦN VĨNH | 22/05/1980 | *****43 | Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh | x | | 39487 |
| 580 | BÙI ĐÌNH TIẾN VƯƠNG | 16/11/1996 | *****13 | Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An | x | | 39258 |
| 581 | ĐẶNG ĐỨC VƯƠNG | 05/06/1992 | *****11 | Xã Minh Châu, Nghệ An | x | A1 | 588 |
| 582 | PHẠM KHÁNH VY | 20/07/2003 | *****81 | Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38431 |
| 583 | VĂN ĐÌNH VỸ | 21/01/1993 | *****64 | Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An | x | | 39488 |
| 584 | ĐẶNG THỊ XOAN | 12/04/2002 | *****19 | Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 42001 |
| 585 | NGUYỄN THỊ XUÂN | 12/07/1976 | *****12 | Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An | x | | 42335 |
| 586 | NGUYỄN THỊ XUÂN | 19/07/1994 | *****79 | Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 41624 |
| 587 | HOÀNG THỊ XUÂN | 12/09/1975 | *****95 | Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An | x | | 40404 |
| 588 | ĐINH HỮU YÊN | 04/10/1990 | *****79 | Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An | x | | 38532 |
| 589 | VÕ THỊ BẢO YẾN | 09/11/1990 | *****82 | Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh | x | A1 | 42306 |
| 590 | NGUYỄN THỊ YẾN | 05/09/1990 | *****98 | Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An | x | | 42305 |
| 591 | TRẦN THỊ THANH YẾN | 20/10/1991 | *****82 | Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An | x | | 36187 |
| 592 | MAI THỊ YẾN | 29/04/1996 | *****78 | Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An | x | A1 | 41766 |